

「세관절차, 세관검사·감독·통제에 관한 관세법 세 부규정 및 시행조치에 관한 의정 (제23조-제24조)」

- 국 가 ·지 역: 베트남
- 법 률 번 호: 정부 의정¹ 제08/2015/NĐ-CP호, 제59/2018/NĐ-CP호
- 공 포 일: 2015년 1월 21일
- 최종개정일: 2018년 4월 20일

| 원문 | 번역문 |
|---|---|
| <p>Mục 4 XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ, XUẤT XỨ VÀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU</p> <p>Điều 23. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan</p> <p>1. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được thực hiện theo đề nghị của người khai hải quan. Cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất</p> | <p>제4절 수출입물품에 대한 품목번호, 원산지 및 관세가격의 사전확정</p> <p>제23조 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정</p> <p>1. 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정은 세관신고인의 요청에 따라 진행된다. 세관기관은 관세법 제28조의 규정에 따라 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전</p> |

¹ 의정(nghị định, 議定) 이란, 정부 총리가 위임을 받은 범위 내에서 법률을 구체화하기 위하여 공포하는 시행령을 말한다.

xử, trị giá hải quan theo quy định tại Điều 28 Luật Hải quan.

2. Xác định trước trị giá hải quan bao gồm xác định trước phương pháp và mức giá.

Điều 24. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan

1. Điều kiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và cung cấp thông tin, chứng từ, hồ sơ cần thiết liên quan đến việc xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần xác định trước trị giá hải quan là hàng hóa lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà người khai hải quan đang thực hiện hoặc là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa giống hệt, tương tự trên thị trường để

h xác định trước trị giá hải quan.

2. Quan세가격의 사전확정은 가격 및 방법의 사전확정을 포함한다.

제24조 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정 절차

1. 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정 조건

a) 개인, 단체는 세관기관이 수출입 예정인 물품에 대한 품목번호, 원산지, 관세가격을 사전확정하도록 요청하며 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정과 관련하여 필요한 정보, 증서, 서류를 제공한다.

b) 관세가격의 사전확정이 필요한 수출입물품은 처음으로 수출입하거나 세관신고인이 진행 중인 관세가격과 비교하여 크고 비정상적인 변화가 있는 물품 또는 보편적 성질을 가지지 않거나 단일성을 가진 물품 또는 시장에 비교할 수 있는 동일하고 유사한 물품이 없는 물품이다.



| | |
|--|--|
| <p>so sánh.</p> <p>2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:</p> <p>a) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến Tổng cục Hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng;</p> <p>b) Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan;</p> <p>c) Thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi nào liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi.</p> <p>3. Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan:</p> <p>a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Tổng cục Hải quan có văn bản từ</p> | <p>2. 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정을 요청하는 개인, 단체의 책임</p> <p>a) 늦어도 출하물품을 수출입하기 전 60일의 기한 내에 관세총국에 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정을 요청하는 구비서류를 제출한다.</p> <p>b) 세관기관의 요청에 따라 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정 신청내용을 명확히 할 목적으로 세관기관과의 대화에 참여한다.</p> <p>c) 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정을 신청한 물품과 관련한 어떠한 변경이 발생하는 날로부터 10일의 기한 내에 관세총국에 서면으로 통보하며, 내용, 사유, 변경이 발생한 년, 월, 일을 명기한다.</p> <p>3. 관세총국의 책임</p> <p>a) 신청서를 접수한 날로부터 5근무일의 기한 내에 품목번호·원산지·관세가격의 사전확정 조건 및 서류를 구</p> |
|--|--|



chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ quan quản lý nhà nước;

- b) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu

bi하지 못하는 경우, 국가 관리기관의 처리 결과를 기다리는 중인 품목번호·원산지·가격 사전확정신청서에 기재된 물품 또는 국가관리기관의 품목번호에 관한 지침 문서가 이미 존재하는 품목으로 사전확정신청서에 기재된 물품에 대하여 관세총국은 개인, 단체가 송부한 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정을 서면으로 거부한다.

- b) 관세총국의 총국장은 (통상적인 경우) 구비된 서류를 접수한 날로부터 30일 또는 (명확히 할 필요가 있는 복잡한 경우) 구비된 서류를 접수한 날로부터 60일의 기한 내에 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정결과 통보문서를 공포한다. 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정결과 통보문서는 개인, 단체에 송부되고, 동시에 세관기관의 데이터베이스에 갱신되며 관세총국의 웹사이트상에 공개된다.

| | |
|---|--|
| <p>của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Tổng cục Hải quan.</p> <p>4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan.</p> <p>Trường hợp tổ chức, cá nhân không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan mà tổ chức, cá nhân cần thiết thông quan hàng hóa thì tổ chức, cá nhân thực hiện nộp thuế theo giá khai báo hoặc thực hiện bảo lãnh theo quy định để thực hiện thông quan hàng hóa. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại cơ quan hải quan.</p> <p>5. Trường hợp không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu Tổng cục Hải quan xem xét. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với hàng hóa thông thường) hoặc 30 ngày (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ), kể từ ngày nhận được yêu cầu của người khai hải quan, Tổng cục Hải quan có văn bản</p> | <p>4. 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정결과 통보문서는 세관절차를 진행할 때 세관신고를 위한 근거가 된다.</p> <p>개인, 단체가 관세총국 총국장의 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정내용에 동의하지 않으나 개인, 단체가 물품의 통관을 필요로 하는 경우 개인, 단체는 신고가격에 따른 세금의 납부를 이행하거나 물품의 통관을 진행하기 위한 규정에 따른 보증을 이행한다. 세관기관은 세관기관에서 통관 후 검사를 진행한다.</p> <p>5. 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정내용에 동의하지 않는 경우, 개인, 단체는 관세총국에 서면으로 검토를 요청한다. 세관 신고인의 요청을 받은 날로부터 (통상적인 경우) 10근로일 또는 (명확히 할 필요가 있는 복잡한 경우) 30근로일의 기한 내에 관세총국은 세관신고인에게 서면으로 결과를 회신한다.</p> |
|---|--|

trả lời kết quả cho người khai hải quan.

6. Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:

- a) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan có hiệu lực tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký ban hành. Riêng văn bản thông báo kết quả xác định trước mức giá có hiệu lực trực tiếp đối với lô hàng được xác định trước mức giá;
- b) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan không có hiệu lực áp dụng trong trường hợp hàng hóa hoặc hồ sơ thực tế xuất khẩu, nhập khẩu khác với mẫu hàng hóa hoặc hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan;
- c) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong trường hợp phát hiện

6. 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정결과 통보문서의 효력

- a) 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정결과 통보문서는 관세총국의 총국장이 공포를 위한 서명을 한 날로부터 최대 3년을 초과하지 않는 효력을 가진다. 개별적인 가격의 사전확정결과 통보문서는 가격이 사전확정된 출하물품에 대하여 직접적인 효력을 가진다.
- b) 실제의 수출입 물품 또는 서류가 품목번호, 원산지, 관세가격 사전확정 신청서류 또는 물품 견본과 다른 경우 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정결과 통보문서는 적용 효력을 가지지 않는다.
- c) 개인, 단체가 제공한 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정 서류의 부정확성, 불성실성이 발견되는 경우 관세총국의 총국장은 품목번호, 원산지, 관세가격의

| | |
|--|---|
| <p> hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực; </p> <p> d) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. </p> <p> 7. Bộ Tài chính quy định hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan và các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước. </p> | <p> 사전확정결과 통보문서를 취소하는 문서를 공포한다. </p> <p> d) 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정결과 통보문서의 공포 근거가 되는 법률 규정이 개정, 보완 및 교체되는 경우 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정결과 통보문서의 효력은 종료된다. </p> <p> 7. 재무부는 품목번호, 원산지, 관세가격의 사전확정 서류 및 국가관리기관의 처리결과를 기다리는 경우에 대하여 규정한다. </p> |
|--|---|